**CHUYÊN ĐỀ:**

**ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH QUA GIỜ HỌC TIẾNG VIỆT Ở MÔN NGỮ VĂN 9.**

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Giáo dục phổ thông nước ta đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực người học, nghĩa là từ chỗ quan tâm đến việc học sinh học được cái gì đến chỗ quan tâm học sinh vận dụng được cái gì qua việc học. Để đảm bảo điều đó, nhất định phải thực hiện thành công việc chuyển từ phương pháp dạy học theo lối “truyền thụ một chiều” sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành năng lực và phẩm chất. Thực ra điều này chúng ta đã làm bao năm nay từ khi chúng ta đổi mới dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng nhưng nhìn lại đâu đó chúng ta vẫn còn quá chú trọng nội dung bài học mà chưa chú trọng đầy đủ đến chủ thể người học cũng như khả năng ứng dụng tri thức đã học trong những tình huống thực tiễn.

**II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ :**

**1.Năng lực và các năng lực cần hình thành cho học sinh trong dạy học Ngữ văn.**

Năng lực là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kĩ năng với thái độ,tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân,…nhắm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định.

Nói một cách dễ hiểu năng lực là khả năng làm chủ và vận dụng hợp lý các kiến thức,kinh nghiệm, thái độ một cách có hứng thú để hành động một cách có hiệu quả trong  các tình huống đa dạng của cuộc sống.

*Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực nghĩa là thông qua bộ môn, học sinh có khả năng kết hợp một cách linh hoạt  kiến thức, kỹ năng với thái độ,tình cảm, động cơ cá nhân… nhằm đáp ứng hiệu quả một số yêu cầu của hoạt động trong một số hoàn cảnh nhất định.*

**2. Các năng lực cần hình thành cho học sinh trong dạy học Ngữ văn:**

Năng lực giao tiếp tiếng Việt và năng lực cảm thụ thẩm mỹ là năng lực mang tính đặc thù của môn học; ngoài ra năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định nội dung dạy học của môn học.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Đặc điểm** | **Thể hiện trong môn Ngữ văn** |
| 1. Giải quyết vấn đề | – Phát hiện vấn đề, đề xuất giải   pháp. – Thực hiện. – Đánh giá. | – Phát hiện và lí giải những vấn đề nhập nhằng, mơ hồ, đa nghĩa, khó hiểu trong nội dung và nghệ thuật. – Phát hiện và lí giải những vấn đề trong thực tiễn đời sống được gợi ra từ tác phẩm. – Phát hiện và đánh giá những khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết. |
| 2. Năng lực sáng tạo | – Phát hiện những ý tưởng mới nảy sinh trong học tập và cuộc sống. – Đề xuất các giải pháp một cách thiết thực. – Áp dụng vào tình huống mới. | – Có cách tiếp cận và cắt nghĩa độc đáo về nội dung, giá trị của tác phẩm. – Phát hiện những nét nghĩa mới, giá trị mới của văn bản. – Có cách nói và cách viết sáng tạo, độc đáo, hiệu quả. |
| 3. Hợp tác | -Phối hợp, tương tác hỗ trợ nhau cùng thực hiện nhiệm vụ để cùng đạt mục tiêu chung (thảo luận nhóm ) *Thảo luận nhóm là phương pháp có thể áp dụng với nhiều bài học, điều quan trọng ta phải chú ý là đề tài cho học sinh thảo luận phải là đề tài có tính phức hợp, có vấn đề, cần huy động sự suy nghĩ của nhiều người.* | – Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận cá nhân. – Điều chỉnh thái độ, cách ứng xử. |
| 4.Tự quản bản thân (Thực chất là KNS) | – Làm chủ cảm xúc. – Suy nghĩ và hành động hướng vào mục tiêu phù hợp với hoàn cảnh. – Tự đánh giá, điều chỉnh hành động phù hợp với những tình huống mới. | HS cần biết xác định các kế hoạch hành động cho cá nhân và chủ động điều chỉnh kế hoạch để đạt được mục tiêu đặt ra, nhận biết những tác động của ngoại cảnh đến việc tiếp thu kiến thức và rèn luyện kĩ năng của cá nhân để khai thác, phát huy những yếu tố tích cực, hạn chế những yếu tố tiêu cực, từ đó xác định được các hành vi đúng đắn, cần thiết trong những tình huống của cuộc sống. |
| 5. Năng lực giao tiếp Tiếng Việt | – Sử dụng tiếng Việt một cách phù hợp và hiệu quả trong tình huống giao tiếp | Năng lực giao tiếp trong các nội dung dạy học tiếng Việt được thể hiện ở 4 kĩ năng cơ bản: *nghe, nói, đọc, viết* và khả năng ứng dụng các kiến thức và kĩ năng ấy vào các tình huống giao tiếp khác nhau trong cuộc sống. |
| 6. Năng lực cảm thụ thẩm mĩ | Biết nhận diện, thưởng thức và đánh giá cái đẹp trong văn học và cuộc sống, biết làm chủ cuộc sống, biết làm chủ cảm xúc của bản thân, biết hành động hướng theo cái đẹp, cái thiện | – cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ, nhận ra những giá trị thẩm mĩ trong văn học, biết rung cảm, hướng thiện. |

**3. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm hướng tới phát triển năng lực trong môn học Ngữ văn qua một tiết học cụ thể:**

**Tiết 125: NGHĨA TƯỜNG MINH và HÀM Ý**

\*Những kiến thức có liên quan: Tục ngữ, ca dao, lời nói hằng ngày

**A. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức :**

- Khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý.

- Tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hằng ngày.

**2. Kĩ năng :**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và hàm ý trong câu.

- Giải đoán được nghĩa hàm ý trong văn cảnh cụ thể.

- Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.

**3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng tường minh và hàm ý trong đúng hiệu quả giao tiếp.

**4. Năng lực**:

a/ Năng lực chung: Năng lực hợp tác và làm việc theo nhóm,

Năng lực sử dụng ngôn ngữ,tư duy, năng lực điều chỉnh hành vi,...

**b/ Năng lực chuyên biệt:** NL cảm thụ thẩm mĩ, NL giao tiếp TV

**B.Chuẩn bị: - GV**: Soạn bài, máy chiếu

**- HS**: Đọc kĩ bài, tìm hiểu các yêu cầu của bài học ở sgk.

**C.Tiến trình tổ chức:**

**1.Hoạt động khởi động: ( 4p)**

**KTBC:** Cho biết trong một đoạn văn các câu liên kết về nội dung nghĩa là gì? Liên kết bằng hình thức được thực hiện bằng những phép liên kết câu nào?

Cho ví dụ một đoạn văn và phân tích tính liên kết.

# Giới thiệubài*:* ***TH1: Sắp đến giờ vào lớp, cô giáo hỏi một bạn HS:***

* Mấy giờ rồi em?

TH 2: Nam đi học muộn, đến sân trường gặp cô giáo, cô giáo hỏi:

* Mấy giờ rồi em?

H: Mục đích của hành động nói trong 2 câu trên có gì khác nhau?

+ TH1: Cô giáo muốn hỏi giờ HS=> Tường minh

+ TH2: Cô giáo muốn nhắc nhở việc Nam đi học muộn=> Hàm ý

GV dẫn vào bài mới

**2/ Hoạt động hình thành kiến thức: ( 20p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | Nội dung |
| **GV trình chiếu đoạn văn ở SGK**  1.Đọc đoạn văn và cho biết câu “Trời ơi…” anh TN muốn nói gì?  *🡪 Điều muốn nói: Ồ, hết thời gian để nói chuyện rồi, tiếc quá!*  + Cách hiểu phổ biến: Thời gian còn ít 🡪 tiếc.  + Cách hiểu không mang tính phổ biến: Tiếc quá, không còn đủ thời gian để trò chuyện cùng ông và cô….  2.Tại sao anh lại nói như vậy?  *(Vì ngại ngùng và muốn che giấu tình cảm của mình)*  3.Câu “Ô! Cô còn quên…” có ẩn ý gì không? (Không, anh TN vô tình)  4. Vậy, thế nào là tường minh, thế nào là hàm ý?  - Đọc ghi nhớ.  **\* GV cho tình huống:**  Một người bạn có nhã ý mời em đến dự sinh nhật nhưng em lại không thể đến( hoặc không muốn đến). Trong trường hợp trên, theo em nên dùng hàm ý hay câu có nghĩa tường minh? Em sẽ nói ntn***?(GDKNS)***  H: Vậy, trong giao tiếp hằng ngày, khi nào dùng cách nói hàm ý, khi nào dùng cách nói có nghĩa tường minh?  ***GV chốt:*** *Hàm ý phụ thuộc vào tình huống giao tiếp, tức cùng một câu nói nhưng trong những tình huống khác nhau thì hàm ý sẽ khác nhau.*  *VD: Trời sắp mưa rồi đấy!*  *Hàm ý: - Lấy quần áo vào*   * *Nhớ mang theo áo mưa.* * *Đừng đi, kẻo ướt.*   H: Khi tạo lập VB khoa học hoặc VB hành chính công vụ, chúng ta có sử dụng hàm ý không?( Không)   * Thảo luận nhóm: * Nhóm 1,2:   TH 1: Bạn rủ mình đi xem phim  Nêu một số hàm ý từ chối không đi   * Nhóm 3,4: * TH2: A đến nhà B chơi, thấy một cây ởi rất sai quả. * Hãy viết một đoạn hội thoại có hàm ý A muốn B hái ổi mời mình ăn.   **3/ Hoạt động luyện tập: 15p**  **BT:** B1/ Đọc lại đoạn trích ở (I)và cho biết:  - Câu nào cho thấy hoạ sĩ cũng chưa muốn chia tay?  - Ở đoạn cuối, thái độ cô gái được mtả ntn, đó thái độ gì?  (🡺 Cô gái bối rối đến vụng về vì ngượng. Cô định kín đáo để khăn làm kỉ vật cho người con trai, thế mà anh thật thà trả lại)  B2/ Hàm ý câu in đậm đó là gì?  B3/ Đọc, Thảo luận: Xác định câu chứa hàm ý và cho biết hàm ý đó.  B4/ Đọc đoạn trích và cho biết: những câu in đậm có phải là câu chứa hàm ý không?  B5/ Hãy viết đoạn hội thoại ngắn, trong đó có câu chứa hàm ý.  Cho biết hàm ý trong câu đó.  ( Trong VD cả hai câu đều có hàm ý:  - C1: Bạn giải bài số 2 cho mình với.  - C2: Mình không thể, vì sợ cô la).  B6:*Tìm câu chứa hàm ý trong mỗi lời thoại sau:*  *Vợ: - Chồng cai Hà tâm lí thật, sinh nhật nào cũng mua hoa tặng vợ!*  *Chồng: - Thì tay ấy dạy môn tâm lí mà!*  *Vợ: Thế anh dạy môn gì?*  *Chồng: - Nhưng anh làm công tác quản lí kia mà!* | **I. Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý:**  ***\*Bài tập: SGK/***  ***- Trời ơi, chỉ còn có năm phút!***  🡪 Điều muốn nói: Ồ, hết thời gian để nói chuyện rồi, tiếc quá! => Hàm ý  “Ô! Cô còn quên…” : Không, anh TN vô tình => Tường minh  **\* Ghi nhớ**/ 75.  **II. Luyện tập**  B1.- Câu: *Nhà hoạ sĩ* ***tặc lưỡi*** *đứng dậy.*  🡪 Cũng tiếc và thời gian trôi nhanh.  - Cô kĩ sư mặt đỏ ửng…( ngượng)  - quay vội đi (bối rối, không đủ can đảm kéo dài thời gian)  B2- Câu in đậm: ông hoạ sĩ già chưa kịp uống nước chè đã phải đi.  B3- Cơm chín rồi!  🡪 Ông vô ăn cơm đi!  B4/ Những câu in đậm không chứa hàm ý.  - Hà, nắng gớm…: nói lảng chuyện khác.  - Tôi nghe đồn… : câu nói bỏ dở.  B5. Viết đoạn văn hội thoại ngắn có câu có hàm ý:  VD: Trong giờ kiểm tra 15phút, An nói nhỏ với Dung:   * Bài số 2 mình giải chẳng được. * Mình sợ cô quá! Dung trả lời.   Với vẻ mặt buồn, An tiếp tục làm bài. |

**4/ Hoạt động vận dụng: ( 4p)**

- Tập viết đoạn văn sử dụng câu có hàm ý.

**5/ Hoạt động tìm tòi, mở rộng: (2p)**

- Sưu tầm những đoạn văn có sử dụng hàm ý và những tình huống giao tiếp hằng ngày có sử dụng hàm ý.

- Soạn bài: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**\* Rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**III. PHẦN KẾT LUẬN**

Thực tế cho thấy, qua thực hiện nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn, ở cấp THCS theo định hướng phát triển năng lực cho HS đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Thông qua tiết học tôi thấy HS hai lớp 9/1, 9/2 rất hứng thú chủ động trong việc lĩnh hội tri thức. Qua bài kiểm tra nhận thức, các em đạt kết quả khá cao: 100% học sinh đạt từ trung bình trở lên.

Theo kinh nghiệm giảng dạy của tôi, để đạt hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo năng lực người học người thầy cần tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của học sinh, thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học để lôi cuốn học sinh học tập, hướng dẫn HS rèn luyện kỹ năng tự học; sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với khả năng tiếp thu của HS.

*Đại Tân, ngày 14 tháng 3 năm 2024*

Người viết

**Huỳnh Thị Phượng**